

# NGHIÊN CỨU HOÀN THIỆN HỆ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NHÀ NƯỚC

Đào Ngọc Lâm

## Vụ Phương pháp Chế độ

Hệ thống chỉ tiêu thống kê Nhà nước có vai trò rất quan trọng trong quản lý kinh tế nói chung và là căn cứ để phân công, phân cấp, điều phối hoạt động thống kê, xác định kênh thông tin và ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp, xác định hình thức thu thập thông tin bằng chế độ báo cáo thống kê cơ sở hay điều tra thống kê, xác định chương trình điều tra thống kê quốc gia. Đồng thời là đầu ra của toàn bộ hoạt động thống kê.

Từ đầu những năm 70, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 168/TTg ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê áp dụng trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Hệ thống chỉ tiêu này được dùng làm căn cứ pháp lý để Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê tổng hợp cho các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và để Tổng cục Thống kê trực tiếp phối hợp với các bộ, ngành ban hành chế độ báo cáo thống kê cơ sở, quyết định các cuộc điều tra thống kê. Từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, mở cửa và hội nhập, hệ thống chỉ tiêu trên có nhiều nội dung không còn phù hợp. Tổng cục Thống kê đã thay đổi, bổ sung nhiều chỉ tiêu thông qua việc ban hành chế độ báo cáo và điều tra thống kê. Sự thay đổi, bổ sung này được thể hiện như sau:

- Từng bước chuyển đổi hệ thống chỉ tiêu thống kê trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung nặng về miêu tả hiện vật sang hệ thống chỉ tiêu phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN:

+ Nhiều chỉ tiêu thuộc về điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh theo cơ chế

cũ đã loại bỏ hoặc chuyển sang cho các ngành khác thực hiện như:

◆ Những chỉ tiêu liên quan đến xét duyệt hoàn thành kế hoạch Nhà nước;

◆ Những chỉ tiêu liên quan đến quyết toán vật tư, giao nộp sản phẩm;

◆ Các chỉ tiêu liên quan đến việc cấp phát tem phiếu, cung cấp định lượng;

◆ Những chỉ tiêu liên quan đến tiến độ sản xuất nông nghiệp, tiến độ thi công các công trình, ...

◆ Những chỉ tiêu liên quan đến điều hành trực tiếp của giám đốc doanh nghiệp, như tình hình sử dụng thời gian lao động, số lượng lao động; sử dụng số lượng thời gian và công suất thiết bị máy móc, v.v...

+ Bổ sung, sửa đổi những chỉ tiêu mới phát sinh trong cơ chế thị trường, mở cửa hội nhập, như chuyển đổi hệ thống chỉ tiêu bảng cân đối quốc dân (MPS) sang áp dụng hệ thống chỉ tiêu thuộc hệ thống tài khoản quốc gia (SNA); mới đưa vào tính toán các chỉ tiêu: tỷ lệ đói nghèo, chỉ số HDI,...

+ Đã tiếp cận và ứng dụng một số phương pháp thống kê phổ biến trên thế giới, như tổng giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm...

- Đã bước đầu ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc xử lý, tổng hợp, lưu trữ, truyền đưa thông tin.

Tuy nhiên, việc xác định hệ thống chỉ tiêu còn có những hạn chế:

Qua nghiên cứu khảo sát, chúng tôi tạm thời liệt kê ra đây những chỉ tiêu còn thiếu hoặc chưa được đưa vào sử dụng:

+ Đối với các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Quốc hội: đây là những chỉ tiêu có tầm quan trọng hàng đầu trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm cũng như hàng năm, tuy nhiên, việc thực hiện còn chưa hoàn thiện:

- ◆ Chỉ tiêu tốc độ tăng giá trị sản xuất của khu vực dịch vụ chưa hoàn thiện;

- ◆ Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội và tỷ lệ so với GDP. Trên thực tế mới có tổng vốn đầu tư xây dựng toàn xã hội tổng tích lũy tài sản nhưng chưa có tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, nên chưa tính được tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội so với GDP; ngay khối lượng vốn của từng nguồn cũng còn có sự khác biệt đáng kể qua các cuộc điều tra gần đây, nhất là vốn đầu tư phát triển của khu vực ngoài quốc doanh;

- ◆ Số lao động được tạo việc làm trong năm (Quốc hội sử dụng số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);

- ◆ Mức giảm tỷ lệ hộ đói nghèo (hiện có hai số liệu khác nhau về chỉ tiêu này của ngành Thống kê và ngành Lao động - Thương binh và Xã hội);

- ◆ Tỷ lệ sinh (mới chỉ công bố tỷ lệ tăng chung, chưa công bố tỷ lệ tăng tự nhiên);

- ◆ Số người được đào tạo nghề (mới chỉ có số học sinh học nghề mới tuyển và tốt nghiệp, chủ yếu tại các cơ sở của Nhà nước).

+ Một số chỉ tiêu khác như:

- ◆ Tổng giá trị sản xuất (GO) theo giá thực tế và theo giá so sánh

- ◆ GDP, GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo phương pháp sức mua tương đương;

- ◆ Tổng sản phẩm quốc gia (GNP);

- ◆ Tổng thu nhập quốc gia (GNI);

- ◆ Thu nhập quốc gia sử dụng (NDI);

- ◆ Để dành gộp (S);

- ◆ Để dành thuần (Sn)

- ◆ Tài khoản thu nhập và phân phối thu nhập (gộp) của cả nước và theo khu vực thể chế;

Tài khoản thu nhập và chi tiêu của cả nước và theo phụ vực thể chế;

Các chỉ tiêu trên Vụ TKQG đã tính nhưng chưa công bố chính thức trên niên giám của Tổng cục (riêng chỉ tiêu GNI đã công bố trên niên giám thống kê từ vài năm nay)

- ◆ Tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế;

- ◆ Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội phân theo ngành kinh tế, vùng kinh tế;

- ◆ Vốn đầu tư nước ngoài của những dự án tăng vốn, đã giải thể, hết hạn, đã thực hiện (chia theo từ nước ngoài, từ các doanh nghiệp Việt Nam), doanh thu, nộp ngân sách, số lao động làm việc trong khu vực này ...

- ◆ Vốn ODA cam kết, ký kết, giải ngân,... và tỷ trọng nguồn vốn nước ngoài (bao gồm cả nguồn FDI và ODA) trong tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội;

- ◆ Hệ số ICOR;

- ◆ Bảng cân đối liên ngành (I/O) (bảng này đã lập nhưng chưa công bố chính thức);

- ◆ Hiệu quả tổng hợp của nền kinh tế quốc dân và từng ngành kinh tế chủ yếu;

- ◆ Năng suất lao động xã hội, Năng suất lao động từng ngành, mới tính đến năm 1997;

- ◆ Hiệu quả vốn như: doanh thu/vốn; lợi nhuận/vốn;

◆ Kim ngạch xuất nhập khẩu dịch vụ phân theo loại dịch vụ;

◆ Tỷ lệ giá trị xuất khẩu hàng hoá đã chế biến (tinh) so với tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá (tinh và thô);

◆ Cán cân thanh toán quốc tế, cán cân vãng lai (hiện nay Chính phủ giao cho ngân hàng nhà nước thực hiện);

◆ Tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP;

◆ Dự trữ quốc tế so với nợ nước ngoài ngắn hạn và tính theo thuận nhập khẩu;

◆ Chỉ số giá của người sản xuất;

◆ Các chỉ tiêu về công nghiệp hoá hiện đại hoá;

◆ Doanh số cho vay và dư nợ tín dụng;

◆ Huy động vốn;

◆ Chỉ số phát triển nguồn nhân lực HDI (hiện nay do UNDP tính);

◆ Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị, tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn (hiện do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thu thập tổng hợp và công bố);

◆ Chỉ số về giới;

◆ Chỉ số giáo dục;

◆ Tỷ lệ sinh, tỷ lệ chết, tỷ lệ tăng tự nhiên hàng năm (Tổng cục Thống kê có phối hợp với Ủy ban quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình điều tra nhưng chưa công bố trên niên giám thống kê hàng năm);

◆ Tuổi thọ bình quân;

◆ Các chỉ tiêu về môi trường.

- Chưa thể chế hoá nhu cầu thông tin thống kê bằng một hệ thống chỉ tiêu do cấp có thẩm quyền ban hành.

- Nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu cũng chưa được chuẩn hoá và

đảm bảo thống nhất giữa các nghiệp vụ, nhất là giữa thống kê chuyên ngành với thống kê tài khoản quốc gia. Một số chỉ tiêu thống kê đến nay vẫn chưa có sự thống nhất về nội dung và phương pháp tính, như chỉ tiêu vốn đầu tư phát triển, hệ số ICOR, tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, tỷ lệ động viên tài chính,... Đặc biệt là hầu hết các chỉ tiêu còn chưa thống nhất về tên gọi, nội dung và phương pháp thu thập, tính toán với chuẩn mực quốc tế, nên chưa đảm bảo được tính so sánh quốc tế.

### **Để khắc phục tình trạng trên cần:**

1. Tổ chức khảo sát và xác định nhu cầu thông tin thống kê cần thiết.

a/ Đối với nhu cầu thông tin của lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp:

Cần xác định nhu cầu thông tin của từng cấp, từng loại cơ quan theo từng thời kỳ (tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, 5 năm, 10 năm).

Đối với phạm vi cả nước, cần phải bổ sung, sửa đổi các nhu cầu thông tin đã nêu trên. Ngoài ra phải xác định nhu cầu thông tin với lãnh đạo bộ, ngành lãnh đạo cấp Tỉnh uỷ, Uỷ ban, lãnh đạo sở ngành, lãnh đạo cấp Huyện uỷ, Uỷ ban, các phòng ban chuyên môn cấp huyện.

b/ Đối với nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng thông tin trong nước cần phân loại và lựa chọn theo từng loại đối tượng như các cơ quan nghiên cứu, bao gồm các nhà nghiên cứu khoa học, sinh viên, các nhà kinh doanh, các cơ quan thông tin đại chúng.

c/ Đối với nhu cầu thông tin quốc tế:

- Đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin của các nước, các tổ chức quốc tế mà nước ta có quan hệ trao đổi và cam kết cung cấp thông tin;

- Đáp ứng yêu cầu thông tin của các nhà đầu tư nước ngoài, bao gồm cả FDI và ODA

## *2. Thể chế hoá hệ thống chỉ tiêu thống kê bằng văn bản pháp qui có hiệu lực:*

Hệ thống chỉ tiêu thống kê Nhà nước bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp về tình hình kinh tế - xã hội, phục vụ yêu cầu quản lý của Nhà nước và nhu cầu của xã hội về thông tin thống kê cấp quốc gia.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê này cần đáp ứng yêu cầu sau đây:

- Phản ánh toàn diện tình hình kinh tế - xã hội

- Theo chuẩn mực quốc tế để đảm bảo tính so sánh quốc tế.

- Có tính khả thi, tức là có thể thực hiện trong thực tế, phù hợp với trình độ hạch toán, ghi chép kê khai, cung cấp của doanh nghiệp, của hộ gia đình cũng như của cá nhân.

- Bảo đảm hiệu quả: với chi phí thấp nhất những thông tin thu thập được đầy đủ kịp thời với sai số thấp nhất.

Dự kiến hệ thống chỉ tiêu thống kê có khoảng 300 chỉ tiêu, gồm các phần chủ yếu như sau:

- Điều kiện tự nhiên (khoảng 8 chỉ tiêu);

- Dân số lao động (khoảng 24 chỉ tiêu);

- Tài khoản quốc gia và tài chính ngân hàng (khoảng 37 chỉ tiêu);

- Nông nghiệp, lâm nghiệp - thủy sản (khoảng 70 chỉ tiêu);

- Công nghiệp (khoảng 70 chỉ tiêu);

- Đầu tư xây dựng và giao thông vận tải bưu điện (khoảng 36 chỉ tiêu);

- Thương nghiệp, khách sạn, nhà hàng, du lịch, dịch vụ và giá cả (khoảng 27 chỉ tiêu);

- Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (khoảng 18 chỉ tiêu);

- Xã hội môi trường (khoảng 80 chỉ tiêu);

Các chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê Nhà nước phải được giải thích rõ mục đích ý nghĩa, khái niệm, phương pháp tính, các phân tổ chủ yếu, nguồn số liệu; hình thức và kỳ hạn thu thập số liệu.

Như vậy, tiếp theo sau Luật Thống kê khi được Quốc hội thông qua, Chính phủ sẽ ban hành Nghị định hướng dẫn, Nghị định về tổ chức, Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thống kê đồng thời Thủ tướng sẽ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê nhà nước và chương trình điều tra thống kê nhà nước ■